

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2019
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung, cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Út.

Ông Đinh Tấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Thành M, xã Rạch C, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Tàu Văn T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Nà C, xã Lâm H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Năm 2017 bà N và ông T qua thời gian tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do bận công việc làm ăn kinh tế nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng về chung sống với gia đình bên chồng, làm dâu cho cha mẹ chồng.

Lý do bà N yêu cầu ly hôn với ông T: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà N không thích nghi với cuộc sống bên chồng và do ông T ít quan tâm, chăm sóc bà N và con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc nóng giận ông T dùng tay đánh vào đầu của bà N trong lúc bà N sinh non. Mục đích hôn nhân không đạt nên vợ chồng sống ly thân từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 dương lịch cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể chung sống cùng nhau được và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Tào Văn T.

- Về con chung: Có một người con tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 11 tháng 07 năm 2018 (nữ). Hiện đang sống chung với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu nuôi con là Nguyễn Ngọc M, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tào Văn T trình bày:**

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn đúng như lời trình bày của bà N, năm 2017 ông T và bà N kết hôn, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bà N không thích nghi với cuộc sống bên gia đình chồng, đôi lúc nóng giận ông T có đánh bà N nên hôn nhân không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 dương lịch cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc N.

- Về con chung: Có một người con tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 11 tháng 07 năm 2018 (nữ). Hiện đang sống chung với bà N. Khi ly hôn ông T đồng ý giao Ngọc M cho bà N nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 700.000 đồng/tháng, cấp dưỡng theo quý (03 tháng cấp dưỡng một lần), cấp vào ngày đầu của quý.

- Về tài sản chung: Gồm có: 01 đôi bông 09 phân vàng 18k và 11 chỉ vàng 24k do bà N quản lý. Đối với 01 đôi bông 09 phân vàng 18k ông T đồng ý để bà N tiếp tục sử dụng, còn 11 chỉ vàng 24k ông T yêu cầu chia đôi theo quy định pháp luật.

- Về công nợ: Ông T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 3 năm 2019 bà N, ông T xác định quá trình chung sống bà N làm mất 05 chỉ vàng 24k và ông T biết việc này, hiện nay vợ chồng chỉ còn lại 06 chỉ vàng 24k. Bà N, ông T đã thỏa thuận được về việc chia tài sản chung nên ông T rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà N vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với ông Tàu Văn T, yêu cầu nuôi con chung, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T đồng ý ly hôn với bà N, vì tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý giao Ngọc M cho bà N nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 700.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Rút lại yêu cầu chia tài sản chung, về công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc N yêu cầu ly hôn với ông Tàu Văn T, yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà N và ông T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Tàu Văn T có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2017, hôn nhân đến nay vẫn chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống giữa bà N và ông T thường xuyên bất hòa, do bà N không thích nghi với cuộc sống bên gia đình chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đôi lúc nóng giận ông T có đánh bà N nên hôn nhân không hạnh phúc, thực tế hai đương sự đã sống ly thân từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 dương lịch cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ, chồng cũng không khắc phục được mâu thuẫn, nay bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Đối với ông T đồng ý ly hôn với bà N vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông T, việc bà N và ông T chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Tàu Văn T.

- Về nuôi con chung: Bà N, ông T xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 11 tháng 07 năm 2018 (nữ). Hiện đang sống chung với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu nuôi con được ông T đồng ý. Xét thấy cháu Ngọc M hiện nay được 09 tháng và 15 ngày tuổi nên cần có sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần. Do đó giao cháu Nguyễn Ngọc M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý chí của các đương sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đối với Nguyễn Ngọc M theo quy định pháp luật. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 700.000 đồng/tháng. Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông T và bà N tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con giữa ông T và bà N là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm phần lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tại thời điểm thi hành án.

- Về tài sản chung: Bà N, ông T xác định vợ chồng còn lại 06 chỉ vàng 24k. Bà N, ông T đã thỏa thuận được về việc chia tài sản chung nên ông T rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Tàu Văn T, ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được đình chỉ.

- Về công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Ngọc N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Tàu Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 220, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, 81, 82, khoản 3 Điều 81, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Tàu Văn T.

2. Về nuôi con chung: Bà N, ông T xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 11 tháng 07 năm 2018 (nữ). Hiện đang sống chung với bà N. Khi ly hôn giao Ngọc M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Ngọc N và ông Tàu Văn T về mức cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Ngọc M, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 700.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm phần lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tại thời điểm thi hành án.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Tàu Văn T.

5. Về công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016323 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung: Ông Tàu Văn T không phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông Tàu Văn T phải chịu 150.000 đồng. Ngày 04 tháng 03 năm 2019 ông Tàu Văn T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 496.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016349 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được xem xét đối trừ. Sau khi đối trừ ông Tượng được nhận lại 346.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh